

Bản án số: 125/2025/DS-ST
Ngày: 04/8/2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Lê Tứ Nhị

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đỗ Ngọc Tân

- Ông Nguyễn Công Chiếm

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Minh Tú – Thư ký Toà án

Ngày 04 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 431/2025/TLST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 351/2025/QĐXXST - DS ngày 14 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Lệ H, sinh ngày 05/6/1985

Căn cước công dân số 077185004929

Địa chỉ: thôn Đ, xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Người đại diện: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1982

Địa chỉ: phường A, quận B, TP HCM

Văn bản ủy quyền lập ngày 20/5/2025

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh ngày 15/6/1990

Căn cước công dân số 066190000131

Địa chỉ: phường I, quận Gò Vấp, TPHCM

(Nay là phường Y, thành phố Hồ Chí Minh)

(Các đương sự đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn là bà Trần Thị Lệ H, bản tự khai của ông Nguyễn Văn S là người đại diện ủy quyền và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thể hiện:

Bà Trần Thị Lệ H với bà Nguyễn Thị L quen biết nhiều năm, bà H có cho bà L vay tiền nhiều lần. Lần sau cùng là ngày 09/5/2025 bà H cho bà L vay số tiền 650.000.000 đồng, thời hạn là 02 ngày (tức là ngày 09 và ngày 10/5/2025). Bà H chuyển tiền cho bà L hai lần vào tài khoản số 0915830077 tại Ngân hàng TMCP V. Lần 1 chuyển vào lúc 08:01:39 số tiền 500.000.000 đồng. Lần 2 chuyển vào lúc 08:05:01 số tiền 150.000.000 đồng. Hết ngày 10/5/2025 bà L không trả, bà H có điện thoại nhắc nhở nhưng bà L làm ngơ. Do đó bà H khởi kiện yêu cầu bà L thanh toán số tiền 650.000.000 đồng và lãi suất tính từ ngày 11/5/2025 đến ngày thanh toán dứt nợ theo quy định pháp luật. Yêu cầu thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà Nguyễn Thị L và bà Trần Thị Lệ H là chỗ quen biết nhiều năm, bà L thường xuyên vay tiền của bà H, bà L thanh toán đầy đủ không chậm trễ ngày nào. Bà L thừa nhận vào ngày 09/5/2025 bà L có vay của bà H số tiền 650.000.000 đồng, bà H chuyển khoản hai lần như đại diện nguyên đơn trình bày. Do chậm trễ chưa kịp thanh toán thì bà H gọi điện thoại hăm dọa làm ảnh hưởng đến công việc của bà L. Bà L xác nhận có nợ bà H số tiền 650.000.000 đồng, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo Thông báo số 431/TB-TA ngày 11/6/2025. Các đương sự đã được triệu tập trực tiếp, hợp lệ. Tại buổi làm việc, đại diện nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo Thông báo số 431/TB-TA ngày 19/6/2025. Các đương sự đã được triệu tập trực tiếp, hợp lệ. Tại buổi làm việc, đại diện nguyên đơn có mặt đúng giờ. Bị đơn đến trễ so với thời gian thông báo nên Tòa án không tiến hành phiên họp và phiên hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, các bên đương sự đều đề nghị xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu, xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

1.1 Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Bị đơn không thanh toán nợ đúng hạn nên nguyên đơn khởi kiện bị đơn tại nơi cư trú là phường Y, thành phố Hồ Chí Minh, điều này phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân

sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2 Về người tiến hành tố tụng:

Vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Thông tư liên tịch số 02/2016/TTLT – VKSNDTC – TANDTC ngày 31/8/2016 nên phiên tòa không có sự tham gia của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3 Về người tham gia tố tụng:

Các đương sự đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 91; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, nguyên đơn không yêu cầu tòa án triệu tập người làm chứng, người tham gia tố tụng khác. Bị đơn đã được thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, bị đơn không có ý kiến về kết quả phiên họp. Do đó, Tòa án không triệu tập thêm người tham gia tố tụng.

[2] Xét yêu cầu của đương sự:

2.1 Về thỏa thuận vay tài sản:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 650.000.000 đồng theo hai lần chuyển khoản vào ngày 09/5/2025. Bị đơn hẹn thời hạn thanh toán là 02 ngày nhưng không thanh toán. Bị đơn thừa nhận có vay số tiền 650.000.000 đồng của nguyên đơn ngày 09/5/2025 và hẹn thời hạn thanh toán là 02 ngày nhưng vẫn chưa thanh toán. Việc bị đơn không thanh toán đúng hạn gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, cần buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn toàn bộ số nợ ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Yêu cầu của nguyên đơn phù hợp quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên có cơ sở chấp nhận.

2.2 Về lãi suất:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán lãi tính từ ngày 11/5/2025 theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy, các bên giao kết hợp đồng vay tài sản không thỏa thuận cụ thể về lãi suất, do đó lãi suất áp dụng bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Cụ thể là: 650.000.000 đồng x 10%/ năm x 84 ngày (tính từ ngày 11/5/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm) = 15.166.666 đồng.

Tổng dư nợ gốc và lãi: Nợ gốc 650.000.000 đồng + lãi 15.166.666 đồng = 665.166.666 đồng.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Luật phí và lệ phí và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. H1 lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 và khoản 4 Điều 91; Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 235; Điều 266; Điều 271 và khoản 1 Điều 273, của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463; khoản 1 và khoản 4 Điều 466; khoản 1 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nguyên đơn là bà Trần Thị Lệ H đối với bị đơn là bà Nguyễn Thị L.

Buộc bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trần Thị Lệ H số tiền 665.166.666 đồng (sáu trăm sáu mươi lăm triệu, một trăm sáu mươi sáu ngàn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng). Trong đó, nợ gốc là 650.000.000 đồng (sáu trăm năm mươi triệu đồng) và lãi là 15.166.666 đồng (mười lăm triệu, một trăm sáu mươi sáu ngàn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 30.606.666 đồng (ba mươi triệu, sáu trăm lẻ sáu ngàn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

- Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho bà Trần Thị Lệ H số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) theo biên lai thu số 0062058 ngày 21/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo và kháng nghị bản án: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- THADS TPHCM;
- VKSND KV7;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Lê Tứ Nhị